

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **141** /2026/DS-ST

Ngày: 29/7/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh**

Hội thẩm nhân dân: 1. **Phạm Văn Tâm**

2. **Phan Thanh Tên**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**,
Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông **Dương Thanh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2026, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2026/TLST-DS ngày 12/05/2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2026/QĐXXST-DS ngày 25/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2026/QĐHPT-DS ngày 13/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L

Trụ sở: Số H, ngõ A, đường T, phố A, phường H, tỉnh Ninh Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K Chức vụ: Tổng Giám đốc L1

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Huỳnh Duy P, Chức vụ: Giám đốc Phòng G. Theo Quyết định số 4135/2025/QĐ-LPBank ngày 21/3/2025 của Tổng Giám đốc L1 về việc: Ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi nợ cho Đơn vị kinh doanh. Người được ủy quyền lại: Ông **Huỳnh D** – Nhân viên. Địa chỉ Chi nhánh L2: Số A - 18 Đường C, phường L, thành phố Cần Thơ (ông D có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông **Dương Thành D1**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

CCCD số: 094068013042, ngày cấp: 28/09/2021

- Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

CCCD số: 365154013, ngày cấp: 11/06/2020
Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] *Ngân hàng TMCP L trình bày:* Ngân hàng TMCP L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B) - Chi nhánh H – P1 với ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD803202400008 ngày 02/01/2024, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 250.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Nuôi lợn, nuôi heo.
- Thời hạn vay: 11 tháng.
- Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 803202400008/01 ngày 02/01/2024. Với mức lãi suất là 10,7%.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Ngân hàng TMCP L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B) - Chi nhánh H – P1 và ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC803202000411 ngày 24/12/2020 để đảm bảo cho khoản vay của ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 116, tại bản đồ số 10; địa chỉ thửa đất: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; số phát hành BV 759048, số vào sổ cấp giấy CH02925. Cơ quan cấp: do UBND huyện K, cấp ngày 10/12/2015.

Thực hiện hợp đồng: Ngân hàng TMCP L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B) - Chi nhánh H – P1 đã giải ngân cho Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 803202400008/01 ngày 02/01/2024 với số tiền: 250.000.000 đồng.

Tính đến ngày 29/7/2026, Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ L1 tổng số tiền là: **334.952.348** đồng, trong đó: Nợ gốc còn lại: 246.156.348 đồng, lãi trong hạn: 7.697.603 đồng, lãi quá hạn: 76.226.710 đồng, lãi chậm trả: 1.271.687 đồng, chi phí quản lý, xử lý tài sản đảm bảo: 3.600.000 đồng.

Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP L toàn bộ số tiền tính đến ngày 29/7/2026 là: **334.952.348** đồng, trong đó: Nợ gốc còn lại: 246.156.348 đồng, lãi trong hạn: 7.697.603 đồng, lãi quá hạn: 76.226.710 đồng, lãi chậm trả: 1.271.687 đồng, chi phí quản lý, xử lý tài sản đảm bảo: 3.600.000 đồng. Kể từ ngày 30/7/2026, Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán

số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD803202400008 ngày 02/01/2024 và khế ước nhận nợ đã ký.

3. Trường hợp Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: HDTC803202000411 ngày 24/12/2020. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 116, tại bản đồ số 10; địa chỉ thửa đất: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; số phát hành BV 759048, sổ vào sổ cấp giấy CH02925. Cơ quan cấp: do UBND huyện K, cấp ngày 10/12/2015. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thì Ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết.

[2] Bị đơn Dương Thành D1 và Nguyễn Thị Thanh T không có ý kiến trình bày.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên được xem các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Cần Thơ phát biểu ý kiến với những nội dung chủ yếu như sau: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục Tổ tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền Tòa án: Ngân hàng TMCP L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B) khởi kiện yêu cầu ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán khoản nợ vay phát sinh từ Hợp đồng hạn mức tín dụng và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn Dương Thanh D2 và Nguyễn Thị Thanh Tráng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên HĐXX vẫn xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, chi phí xử lý tài sản bảo đảm:

Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP L và ông Dương Thành D1, bà Nguyễn Thị Thanh T đã tự nguyện giao kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD803202400008 ngày 02/01/2024 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 803202400008/01 ngày 02/01/2024 với số tiền giải ngân là 250.000.000 đồng với các thông tin chủ yếu như:

Mục đích vay: Nuôi lợn, nuôi heo

thời hạn vay: 11 tháng, Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng (được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày) là: 10,7%/năm, theo Thông báo số 19056 (lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn).

Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần.

Lãi suất điều chỉnh được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở cộng (+) tối thiểu 2.45%/năm.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ ngày 02/12/2024.

Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần, ngày 02/03/2024; 02/06/2024; 02/09/2024; 02/12/2024.

Ngày trả nợ cuối cùng: Ngày 02/12/2024.

Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa hoặc ép buộc, hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên.

Về việc thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đầy đủ số tiền 250.000.000 đồng cho bị đơn. Tuy nhiên, ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, vi phạm thời hạn thanh toán. Hành vi này đã vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Về số tiền nợ: Tính đến ngày 29/7/2026, tổng số nợ phát sinh theo hợp đồng là 334.952.348 đồng, chi tiết gồm: nợ gốc còn lại: 246.156.348 đồng, lãi

trong hạn: 7.697.603 đồng, lãi quá hạn: 76.226.710 đồng, lãi chậm trả: 1.271.687 đồng, chi phí quản lý, xử lý tài sản đảm bảo: 3.600.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả ngay toàn bộ số tiền 334.952.348 đồng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi tiếp tục phát sinh: Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký và quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2026 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD803202400008 ngày 02/01/2024 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 803202400008/01 ngày 02/01/2024 đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng và ông Dương Thành D1, bà Nguyễn Thị Thanh T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC803202000411 ngày 24/12/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Số phát hành BV 759048, số vào sổ cấp giấy CH02925 do UBND huyện K cấp ngày 10/12/2015. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Đất đai. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Về quyền xử lý tài sản thế chấp: Do ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, căn cứ Điều 299, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Xét trách nhiệm tiếp tục trả nợ sau khi xử lý tài sản bảo đảm:

Căn cứ Điều 299 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP L cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L được Tòa án chấp nhận nên ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 299, 317, 320, 323, 385, 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

[2] Buộc ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền là **334.952.348** đồng (*bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 30/7/2026, ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP L theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký (Được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 803202400008/01 ngày 02/01/2024).

[3] Trường hợp đến hạn thanh toán mà ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng số tiền nêu trên. Để đảm bảo thanh toán nợ vay, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ); số BV 759048, sổ vào sổ cấp giấy CH02925 do UBND huyện K cấp ngày 10/12/2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.893.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006753 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Dương Thành D1 và bà Nguyễn Thị Thanh T cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là **16.747.617** đồng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 10 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 10 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh